

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST

Ngày 06 -9- 2023

*V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tống Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Đức Thắm

Bà Lê Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Bà Lê Thị Ngọc Lan - là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huân - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 74/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Như Q, sinh năm 1991

Trú tại: SN 65 đường Cù Chính Lan, khu phố 10, phường N, thị xã B, tỉnh T (Vắng mặt có lý do)

Bị đơn: Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1980

Nơi ĐKNKTT: SN 65 đường Cù Chính L, khu phố 10, phường N, thị xã Bỉm S, tỉnh T

Hiện đang chấp hành án tại K1 Đội 3, trại giam số 5, huyện Y, Tỉnh T (Vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2023 và bản tự khai nguyên đơn- chị Nguyễn Thị Như Q trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trung T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND phường T, TP T, tỉnh T năm 2013. Quá trình chung sống khi sinh cháu đầu được 5 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì bất đồng quan điểm sống, thường xuyên

cãi nhau không ai nhường nhịn ai, do chồng chị chơi bời không quan tâm gì đến vợ con. Anh Thành đã từng phải chấp hành án về tội đánh bạc. Sau khi ra tù chồng chị vẫn chứng nào tật nấy không chịu tu chí làm ăn và tiếp tục phạm tội giết người và hiện nay đang chấp hành án tại trại số 5, huyện Y, tỉnh T. Đến nay, mâu thuẫn vợ chồng tôi ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, thực sự vợ chồng không còn tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy, chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh T giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Trung T.

- Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là Nguyễn Trung H (nam) sinh ngày 02/10/2013, cháu thứ hai tên là Nguyễn Quỳnh C (nữ) sinh ngày 06/4/2016. Nếu ly hôn chị xin được nuôi 2 cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, chị Q không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về phía bị đơn: Tại bản tự khai ngày 28/7/2023 anh Nguyễn Trung T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Như Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện được UBND phường T, Thành phố T, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2013. Sau khi kết hôn 2 vợ chồng sinh sống tại số nhà 65 đường Cù Chính L, phường N, thị xã B, tỉnh T. Cuộc sống diễn ra bình thường hạnh phúc và đã sinh được 02 con. Đến năm 2019 anh phạm tội giết người và bị kết án 8 năm tù giam và phải chấp hành án tại trại giam số 5 tại huyện Yên Đ, tỉnh T. Thời gian đầu anh đi cải tạo thì vợ vẫn thăm nuôi anh mỗi tháng 1 lần, nhưng khoảng 4 tháng gần đây chị không lên thăm anh nữa. Sau đó thì anh nhận được thông báo của Tòa án về việc vợ anh xin ly hôn với anh. Anh xét thấy anh không mang lại hạnh phúc cho chị Q nên chị Q mới làm đơn ly hôn nên anh nhất trí ly hôn với chị Q.

- Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là Nguyễn Trung H (nam) sinh ngày 02/10/2013, cháu thứ hai tên là Nguyễn Quỳnh C (nữ) sinh ngày 06/4/2016. Nguyên vọng của anh muốn được nuôi dưỡng 2 con nhưng do điều kiện hiện nay anh đang chấp hành án trong trại giam nên trước mắt anh đồng ý giao 2 con cho chị Q nuôi dưỡng. Sau này khi chấp hành án xong xét thấy cần thiết và có đủ điều kiện nuôi con anh sẽ làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản: Anh Thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 26/7/2023 ông Lê Thanh B- trưởng khu phố 10, phường Ngọc Trạo, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa cho biết: Vợ chồng anh Nguyễn Trung T và chị Nguyễn Thị Như Q kết hôn năm 2013 và chung sống cùng nhau tại khu phố 10, phường Ngọc T, thị xã B. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm rõ. Tuy nhiên, hiện nay anh T đang đi chấp hành án tại trại 5, huyện Y, tỉnh T, vợ chồng có 02 con chung hiện nay cháu đang ở với chị Q. Nay chị Q làm đơn ly hôn anh T đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 03/8/2023 chị Nguyễn Thị Như Q có mặt theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số:74/TB- TA ngày 27/7/2023, anh Thành vắng mặt vì đang chấp hành án tại trại 5, huyện Y. Chị Q có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2, 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Q và anh Nguyễn Trung T vắng mặt có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Như Q và anh Nguyễn Trung T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2, 4 Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 / Luật hôn nhân gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

Đề nghị HĐXX giải quyết cho chị Nguyễn Thị Như Q được ly hôn anh Nguyễn Trung T.

Về con cái: Giao 02 con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Trung H (nam) sinh ngày 02/10/2013 và cháu Nguyễn Quỳnh C (nữ) sinh ngày 06/4/2016 cho chị Nguyễn Thị Như Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục 2 cháu đến tuổi thành niên, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên miễn xét.

Về án phí: Đề nghị HĐXX buộc chị Nguyễn Thị Như Q phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Như Q khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trung T. Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”; bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường N, thị xã B, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự;

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

Chị Nguyễn Thị Như Q và anh Nguyễn Trung T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, Thành Phố T, tỉnh T đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau không ai nhường nhịn ai, anh T chơi bời không quan tâm gì đến vợ con. Anh T đã từng phải chấp hành án về tội đánh bạc. Sau khi ra tù anh T vẫn chứng nào tật nấy không chịu tu chí làm ăn và tiếp tục phạm tội giết người và hiện nay đang chấp hành án tại trại số 5, huyện Yên Đ, tỉnh T. Nay chị Q cương quyết xin ly hôn anh T. Anh T xét thấy không mang lại hạnh phúc cho chị Q nên anh nhất trí ly hôn với chị Q. HĐXX xét thấy, anh T hiện nay đang đi chấp hành án thời gian dài nên sẽ làm xáo trộn cuộc sống của chị Q, mâu thuẫn vợ chồng cũng từ nguyên nhân anh T sa vào các tệ nạn xã hội. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Q và anh T giải quyết cho chị Q được ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung cháu đầu tên là Nguyễn Trung H (nam) sinh ngày 02/10/2013 cháu thứ hai là Nguyễn Quỳnh C (nữ) sinh ngày 06/4/2016. Chị Q có nguyện vọng xin được nuôi 2 cháu và không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung, anh T có nguyện vọng muốn được nuôi dưỡng hai cháu, nhưng vì điều kiện anh đang chấp hành án nên không thể nuôi con được, trước mặt anh đồng ý giao 2 con cho chị Q nuôi, sau này khi chấp hành án xong xét thấy cần thiết và có đủ điều kiện nuôi con anh sẽ làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con. HĐXX xét thấy hiện nay anh T đang đi chấp hành án không có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng các con được, hơn nữa cháu Hiếu và cháu C đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q giao con chung của vợ chồng là cháu H và cháu C cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi thành niên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không đề nghị Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Như Q phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Khoản 2, 4 Điều 207, Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, 271, 273, 277 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 / Luật hôn nhân gia đình;
- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Như Quỳnh

* Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Như Q được ly hôn với anh Nguyễn Trung T.

* Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu là Nguyễn Trung H (giới tính: nam) sinh ngày 02/10/2013 và cháu Nguyễn Quỳnh C (Giới tính: nữ) sinh ngày 06/4/2016 cho chị Nguyễn Thị Như Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Như Q phải nộp 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị Q đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã B ngày 26/6/2023 theo biên lai thu số: AA/2021/0005422. Như vậy, chị Nguyễn Thị Như Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Q và bị đơn anh Nguyễn Trung Thành.

Chị Nguyễn Thị Như Q và anh Nguyễn Trung T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Thị xã Bism sơn;
- Đương sự;
- THA Dân sự TX Bism sơn;
- UBND phường Tân Sơn
- TP Thanh Hóa ĐK 29/5/2013.)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TỔNG THỊ HÀ

